

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 09/4/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và ông Nguyễn Quang Khải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Đoàn, là Thẩm tra V Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị V; Sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Bản G, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lò Văn S; Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Đội 16 (Bản N), xã N, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2024, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị V và anh Lò Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 2012, đến ngày 04/8/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc tới tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không cùng nhau vun vén kinh tế, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống chung không hạnh phúc, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành, đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018, hiện không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S;

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lò Ngọc L sinh ngày 05/2/2013 và cháu Lò Ngọc O sinh ngày 11/5/2016. Các cháu hiện đang ở với bà nội của các cháu, các cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường. Khi khởi kiện chị có nguyện

vọng để cho anh S nuôi dưỡng các cháu. Tuy nhiên, sau đó chị V đề nghị được trực tiếp trông nom, giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Tại phiên tòa chị V vẫn có nguyện vọng và đề nghị được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu, chị có thu nhập khoảng 07 (bảy) triệu đồng /01 (một) tháng đủ để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị V không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, đã triệu tập anh S đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại đơn xin xác nhận của chị V và qua xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng xác định: Hai vợ chồng chị V và anh S thời gian đầu chung sống không có vấn đề gì, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, đã ly thân với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện anh chị có hai con chung là cháu Lò Ngọc L sinh ngày 05/2/2013 và cháu Lò Ngọc O sinh ngày 11/5/2016 đang ở với bà nội của các cháu, còn anh S lúc đi lúc ở không thường xuyên ở nhà.

Cháu L và cháu O có đơn đề nghị được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm qui định tại điều 70, 72 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị V được ly hôn với anh S, giao hai cháu L, O cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 18/01/2024 Chị Lò Thị V nộp đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn S; Địa chỉ: Đội 16 (Bản N), xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị V có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 18/01/2024 chị V được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa

án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị V theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị V và anh Lò Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị V và anh Lò Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/8/2015, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, hai vợ chồng không cùng nhau vun vén kinh tế, hiện không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú xác nhận tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị V, giải quyết cho ly hôn giữa chị V với anh S.

Về con chung: Chị V và anh S có hai con chung là cháu Lò Ngọc L sinh ngày 05/2/2013 và cháu Lò Ngọc O sinh ngày 11/5/2016. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ, các cháu đều là con gái và còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ nhiều hơn. Chị V cũng có đủ thu nhập đảm bảo để nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh S đến để làm rõ quan điểm, nguyện vọng của anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án nên không có cơ sở xác định anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu hay không. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu L, cháu O cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là phù hợp với nguyện vọng của chị V và các cháu, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và giới tính của cháu. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án vì là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị V, cho ly hôn giữa chị Lò Thị V và anh Lò Văn S.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lò Ngọc L sinh ngày 05/2/2013 và cháu Lò Ngọc O sinh ngày 11/5/2016 cho chị Lò Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (09/4/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc